



Thực trạng hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Lê Thị Phúc Hậu

Phòng Giáo dục và Đào tạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 08/11/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 23/12/2024

Ngày nhận đăng: 24/12/2024

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Giáo dục;

Giá trị sống;

Học sinh;

Trung học cơ sở Tự bảo vệ;

Kỹ năng;

Học sinh tiểu học.

TÓM TẮT

Bài báo nhằm tìm hiểu thực trạng hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh (HS) ở các trường trung học cơ sở (THCS) thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Mẫu nghiên cứu bao gồm 125 giáo viên (GV) và 32 cán bộ quản lý (CBQL) thuộc 6 trường THCS trên địa bàn thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng làm phương pháp chủ đạo nhằm đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS tại thành phố Tuy Hòa. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng CBQL, GV và HS (1) biểu hiện sự đồng ý và rất đồng ý với các vai trò giáo dục giá trị sống cho học sinh; (2) đánh giá cao sự phù hợp của các nội dung giáo dục giá trị sống, với mức đánh giá nằm trong khoảng từ “tương đối phù hợp” đến “phù hợp”; (3) sử dụng từ thường xuyên đến rất thường xuyên các phương pháp và hình thức giáo dục giá trị sống cho HS; (4) các lực lượng tham gia giáo dục giá trị sống cho học sinh là thường xuyên đến rất thường xuyên; (6) các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh từ đáp ứng đến rất đáp ứng. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn gặp một số hạn chế nhất định. Kết quả này là cơ sở để các nhà trường THCS trên địa bàn thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục giá trị sống cho HS, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mục tiêu giáo dục của Việt Nam hiện nay là phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân (Quốc hội, 2019). Bên cạnh đó, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng cụ thể hoá mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh (HS) làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng, xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú. Từ đó, HS có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Điều này đặt ra cho các trường trung học cơ sở (THCS) yêu cầu và trách nhiệm cao trong việc tổ chức, triển khai các hoạt động giáo dục, trong đó có hoạt động giáo dục giá trị sống cho HS.

Hoạt động giáo dục giá trị sống cho HS đã và đang được toàn thể giới quan tâm. Theo tác giả Phạm Minh Hạc (2012), "Giá trị là tính có ý nghĩa tích cực, tốt đẹp, đáng quý, có ích của các đối tượng với chủ thể". Tác giả Nguyễn Công Khanh (2012) cho rằng, "giá trị sống là thứ được cá nhân nhận thức là rất quan trọng, rất cần thiết, rất có ý nghĩa, luôn mong đợi và có khả năng chi phối thái độ, xúc cảm, tình cảm, hành vi của một cá nhân trong cuộc sống hằng ngày". Tác giả Lê Ngọc Trà (2019) cũng nhấn mạnh rằng giáo dục giá trị

Tác giả liên hệ: Lê Thị Phúc Hậu;

Địa chỉ e-mail: lethiphuchau@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.138.2025>

nhằm mục tiêu phát triển nhân cách HS, với phương châm bồi dưỡng, phát triển phẩm chất của người học. Ngoài ra, tác giả Phan Minh Tiến (2019) đã chỉ rõ 10 giá trị cơ bản cần được định hướng cho thanh niên, HS, sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục và sự mong đợi của công cuộc đổi mới xã hội. UNESCO cũng đưa ra 12 giá trị xã hội và cá nhân cơ bản, bao gồm: Hợp tác, Tự do, Hạnh phúc, Trung thực, Khiêm tốn, Tình yêu, Hòa Bình, Tôn trọng, Trách nhiệm, Giản dị, Khoan dung và Đoàn kết (Tillman, 2010). Tuy nhiên, bước vào thế kỷ 21, khủng hoảng về giá trị đã diễn ra trên toàn cầu và tại mỗi quốc gia.

Tại Việt Nam, việc giáo dục giá trị sống đã bước đầu được quan tâm và lồng ghép vào các hoạt động giáo dục hay một số môn học nhất định trong chương trình phổ thông theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Nguyễn et al., 2018; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Tuy nhiên, đây vẫn là vấn đề mới mẻ, dẫn đến nhiều khó khăn và bất cập trong quá trình triển khai thực hiện. Thực tế cho thấy, việc trở thành những công dân tốt trong tương lai, có định hướng, lẽ sống đúng đắn phụ thuộc không nhỏ vào những giá trị sống mà các em được lĩnh hội trong quá trình học tập ở bậc học phổ thông.

Hiện nay, việc giáo dục giá trị sống cho HS THCS trên địa bàn thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên vẫn còn khá hạn chế và chưa được nghiên cứu một cách hệ thống, đầy đủ. Xuất phát từ thực tiễn này, nghiên cứu "Thực trạng hoạt động giáo dục giá trị sống cho HS ở các trường THCS thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên" được thực hiện nhằm giúp các nhà trường có cơ sở khoa học để đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục giá trị sống cho HS trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành trên 125 giáo viên (GV) và 32 cán bộ quản lý (CBQL) thuộc 6 trường THCS trên địa bàn thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng làm phương pháp chủ đạo nhằm đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS tại thành phố Tuy Hòa. Bảng hỏi được thiết kế dựa trên thang đo Likert 5 bậc, với khoảng cách giữa các mức độ là 0,8, tương ứng với 5 mức độ từ 1 đến 5 (được quy ước cụ thể trong các bảng số liệu). Dữ liệu thu thập được sử dụng để tính toán các chỉ số như điểm trung bình, độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm của từng nội dung khảo sát. Quá trình xử lý số liệu được thực hiện bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0 nhằm tổng hợp, phân tích và đưa ra các kết quả thống kê đáng tin cậy từ dữ liệu thu thập được.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. *Thực trạng nhận thức của CBQL, GV và HS về vai trò của hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở*

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV và HS về vai trò của hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS

STT	Vai trò của giáo dục giá trị sống	Đối tượng	ĐTB	ĐLC
1	Giáo dục giá trị sống là giúp học sinh THCS hiểu được hệ thống các giá trị sống cơ bản	CBQL, GV	4.13	0.71
		HS	4.14	0.79
2	Giúp học sinh THCS thể hiện được các giá trị sống cốt lõi khi liên hệ với bản thân và với người khác.	CBQL, GV	4.32	0.73
		HS	3.88	0.75
3	Giúp học sinh THCS có thái độ đúng đắn, phù hợp với các giá trị sống của bản thân	CBQL, GV	3.75	1.03
		HS	3.91	0.78
4	Giúp học sinh THCS điều chỉnh ý thức, hành vi, và quan hệ xã hội theo các giá trị sống đã lựa chọn	CBQL, GV	4.15	0.79
		HS	4.22	0.80
5	Giúp học sinh THCS suy nghĩ đúng đắn về chính bản thân mình, về người khác, về thế giới và các giá trị sống	CBQL, GV	3.87	0.93
		HS	3.80	0.79

*Chú thích: 1 = Hoàn toàn không đồng ý, 2 = Không đồng ý, 3 = Tương đối đồng ý, 4 = đồng ý; 5 = rất đồng ý, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$.

Số liệu bảng 1 cho thấy rằng CBQL và GV biểu hiện mức độ “rất đồng ý” với các vai trò như “Giúp học sinh THCS thể hiện được các giá trị sống cốt lõi khi liên hệ với bản thân và với người khác” (ĐTB = 4.32) và “Giúp học sinh THCS điều chỉnh ý thức, hành vi, và quan hệ xã hội theo các giá trị sống đã lựa chọn” (ĐTB = 4.15). Đồng thời, họ bày tỏ mức độ đồng ý thấp hơn với các vai trò “Giáo dục giá trị sống là giúp học sinh THCS hiểu được hệ thống các giá trị sống cơ bản” (ĐTB = 4.13), “Giúp học sinh THCS có thái độ đúng đắn, phù hợp với các giá trị sống của bản thân” (ĐTB = 3.75), “Giúp học sinh THCS suy nghĩ đúng đắn về chính bản thân mình, về người khác, về thế giới và các giá trị sống” (ĐTB = 3.87). Đối với HS, các em GV biểu hiện mức độ rất đồng ý với các vai trò như “Giúp học sinh THCS điều chỉnh ý thức, hành vi, và quan hệ xã hội theo các giá trị sống đã lựa chọn” (ĐTB = 4.22). Các vai trò còn lại được lựa chọn đánh giá ở mức “đồng ý”.

Kết quả này cho thấy rằng cả CBQL, GV và HS đều nhận thức được tầm quan trọng của các vai trò trong giáo dục giá trị sống, tuy nhiên mức độ đánh giá giữa hai nhóm đối tượng có sự khác biệt nhất định. Thứ nhất, CBQL và GV tập trung cao vào vai trò giúp học sinh thể hiện và điều chỉnh hành vi, ý thức dựa trên các giá trị sống cốt lõi và đã lựa chọn. Điều này phản ánh quan điểm chuyên môn của họ khi cho rằng giáo dục giá trị sống không chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức mà còn cần giúp học sinh áp dụng và điều chỉnh hành vi phù hợp với giá trị sống đã học. Thứ hai, học sinh đánh giá cao vai trò điều chỉnh ý thức, hành vi và quan hệ xã hội, cho thấy các em nhận thức rõ sự cần thiết của việc áp dụng giá trị sống vào thực tế cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên, đối với các vai trò khác như hiểu hệ thống giá trị sống hay suy nghĩ đúng đắn về bản thân và thế giới xung quanh, học sinh thể hiện mức độ đồng ý thấp hơn, phản ánh sự khác biệt trong góc nhìn và trải nghiệm của các em so với CBQL và GV. Thứ ba, sự chênh lệch này có thể xuất phát từ việc học sinh thường tập trung vào các vấn đề thực tiễn, gần gũi với cuộc sống hàng ngày, trong khi CBQL và GV có xu hướng tiếp cận từ góc độ tổng quan và lý thuyết hơn.

3.2. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV và HS về sự phù hợp của các nội dung giáo dục giá trị sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở

Bảng 2. Nhận thức của CBQL, GV và HS về sự phù hợp của các nội dung giáo dục giá trị sống cho HS THCS

STT	Nội dung giáo dục giá trị sống	Đối tượng	ĐTB	ĐLC
1	Giá trị về Hòa bình	CBQL, GV	3.92	0.80
		HS	3.87	0.90
2	Giá trị về tôn trọng	CBQL, GV	3.62	0.88
		HS	3.55	1.08
3	Giá trị về yêu thương	CBQL, GV	3.74	0.78
		HS	3.93	0.98
4	Giá trị về khoan dung	CBQL, GV	4.03	0.70
		HS	3.53	0.88
5	Giá trị về hạnh phúc	CBQL, GV	3.68	0.95
		HS	4.16	1.03
6	Giá trị về trách nhiệm	CBQL, GV	3.78	0.88
		HS	3.67	0.79
7	Giá trị về hợp tác	CBQL, GV	3.87	0.87
		HS	3.63	0.97
8	Giá trị về khiêm tốn	CBQL, GV	3.57	1.00
		HS	4.14	0.88
9	Giá trị về trung thực	CBQL, GV	3.80	0.89
		HS	3.89	0.68
10	Giá trị về giản dị	CBQL, GV	3.99	0.70
		HS	3.83	0.61
11	Giá trị về tự do	CBQL, GV	3.78	1.02
		HS	3.73	0.67
12	Giá trị về đoàn kết	CBQL, GV	3.89	0.99
		HS	3.87	0.65

Có nhiều giá trị sống cần được giáo dục cho HS ở các trường THCS. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này chúng tôi lựa chọn theo 12 giá trị sống mà Unesco đã đưa ra. Kết quả từ bảng 2 cho thấy: Điểm trung bình (ĐTB) đánh giá của HS về sự phù hợp của các nội dung giáo dục giá trị sống dao động từ 3.55 đến 4.16, trong khi đó, CBQL và GV có ĐTB dao động từ 3.57 đến 4.03. Các kết quả này phản ánh rằng cả hai nhóm đối tượng đều đánh giá cao sự phù hợp của các nội dung giáo dục giá trị sống, với mức đánh giá nằm trong khoảng từ “tương đối phù hợp” đến “phù hợp.” Học sinh có xu hướng đánh giá cao hơn ở một số nội dung cụ thể, như “Giá trị về hạnh phúc” (ĐTB = 4.16), cho thấy sự quan tâm của học sinh đối với các giá trị có tính cá nhân và cảm xúc. Trong khi đó, CBQL và GV lại có xu hướng tập trung vào các giá trị mang tính định hướng hành vi và trách nhiệm xã hội. Sự khác biệt nhỏ trong cách đánh giá giữa hai nhóm có thể phản ánh sự khác biệt trong vai trò và kỳ vọng của họ đối với giáo dục giá trị sống: HS tập trung vào trải nghiệm cá nhân, còn CBQL và GV quan tâm đến tính ứng dụng và hiệu quả giáo dục. Điều này gợi ý rằng khi xây dựng chương trình giáo dục giá trị sống, cần cân nhắc hài hòa giữa trải nghiệm thực tế của học sinh và định hướng chiến lược từ phía CBQL và GV.

Việc đánh giá sự phù hợp cao của các nội dung giáo dục giá trị sống từ cả HS và CBQL, GV cho thấy rằng các giá trị được lựa chọn trong chương trình giáo dục là thiết thực, gần gũi và đáp ứng được nhu cầu phát triển nhân cách, kỹ năng sống của HS THCS ở. Kết quả này cũng phản ánh sự thống nhất tương đối giữa nhận thức của CBQL và GV và HS về tầm quan trọng của các giá trị này trong việc hình thành thái độ, hành vi và cách ứng xử đúng đắn của HS. Đồng thời, điều này còn chỉ ra rằng chương trình giáo dục giá trị sống đã được xây dựng và triển khai theo hướng tiếp cận phù hợp với thực tiễn giáo dục hiện nay. Tuy nhiên, sự khác biệt nhỏ giữa mức độ đánh giá của hai nhóm đối tượng cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiếp tục điều chỉnh và cập nhật các nội dung giáo dục sao cho vừa đảm bảo tính định hướng từ phía CBQL và GV, vừa đáp ứng được nhu cầu và kỳ vọng thực tế của HS.

3.3. Thực trạng thực hiện các phương pháp giáo dục giá trị sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV và HS về việc thực hiện các phương pháp giáo dục giá trị sống cho HS THCS

STT	Phương pháp giáo dục giá trị sống	Đối tượng	ĐTB	ĐLC
1	Phương pháp nêu gương	CBQL, GV	3.81	0.95
		HS	3.75	0.71
2	Phương pháp thuyết trình, trao đổi, đàm thoại	CBQL, GV	4.03	0.80
		HS	4.42	0.95
3	Phương pháp nghiên cứu tình huống	CBQL, GV	4.19	0.80
		HS	3.45	0.83
4	Phương pháp trò chơi	CBQL, GV	3.87	0.79
		HS	4.36	0.95
5	Phương pháp hoạt động nhóm	CBQL, GV	3.89	0.83
		HS	4.20	1.05
6	Phương pháp đóng vai	CBQL, GV	3.52	1.07
		HS	3.97	0.66
7	Phương pháp trải nghiệm/thực hành	CBQL, GV	3.76	0.73
		HS	4.34	0.85

Dựa trên số liệu từ bảng 3, ĐTB đánh giá của CBQL và GV dao động từ 3.52 đến 4.19, trong khi của HS từ 3.45 đến 4.42. Điều này cho thấy các phương pháp giáo dục giá trị sống được thực hiện ở mức thường xuyên đến rất thường xuyên, theo thang đo từ 1 đến 5. Đáng chú ý, phương pháp thuyết trình, trao đổi, đàm thoại nhận được đánh giá cao nhất từ cả CBQL, GV (4.03) và HS (4.42), chứng tỏ đây là phương pháp phổ biến và hiệu quả nhất. Ngược lại, phương pháp nghiên cứu tình huống có điểm thấp nhất ở cả hai nhóm, đặc biệt là từ HS (3.45), cho thấy cần cải thiện về mức độ áp dụng và hiệu quả của phương pháp này. Sự khác biệt trong đánh giá giữa CBQL, GV và HS cũng phản ánh cách nhìn nhận khác nhau về tần suất và chất lượng thực hiện các phương pháp này trong thực tế. Cụ thể, CBQL và GV thường đánh giá thấp hơn so với HS ở hầu hết các phương pháp. Điều này có thể xuất phát từ việc CBQL và GV nhìn nhận các phương pháp dựa trên tiêu chí chuyên môn hoặc kỳ vọng cao hơn về hiệu quả và sự thường xuyên trong triển khai. Trong khi đó, HS có thể cảm nhận mức độ thực hiện các phương pháp này qua trải nghiệm trực tiếp trong các giờ học và thường có xu hướng đánh giá tích cực hơn. Sự khác biệt này cũng cho thấy khoảng cách giữa ý định tổ chức của giáo viên và cách học sinh tiếp nhận, hoặc có thể là sự khác nhau trong nhận thức về chất lượng và tần suất của các phương pháp được áp dụng. Điều này gợi ý rằng cần có sự trao đổi, điều chỉnh và cải thiện cách triển khai sao cho phù hợp với cả góc nhìn của người tổ chức (CBQL, GV) và người thụ hưởng (HS).

Kết quả này cũng cho thấy các phương pháp giáo dục giá trị sống đã được triển khai một cách tương đối tích cực trong các trường trung học cơ sở. Mức độ "khá thường xuyên đến rất thường xuyên" phản ánh sự chú trọng của nhà trường, CBQL và GV trong việc tích hợp các phương pháp giáo dục giá trị sống vào các hoạt động giảng dạy và giáo dục. Tuy nhiên, mức độ thực hiện chưa đồng đều giữa các phương pháp, đặc biệt là những phương pháp đòi hỏi tính sáng tạo và tương tác cao như nghiên cứu tình huống hoặc đóng vai, cho thấy vẫn còn không gian để cải thiện về cách tổ chức và áp dụng các phương pháp này nhằm đạt hiệu quả giáo dục tốt hơn.

3.4. Thực trạng thực hiện các hình thức giáo dục giá trị sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở

Từ bảng 4 có thể thấy, ĐTB về tần suất thực hiện các hình thức giáo dục giá trị sống của CBQL và GV dao động từ 3.71 đến 4.20, trong khi ĐTB của HS dao động từ 3.23 đến 4.29. Điều này cho thấy các hoạt động giáo dục giá trị sống được đánh giá ở mức từ tương đối thường xuyên đến rất thường xuyên, phản ánh sự quan tâm và nỗ lực của nhà trường, CBQL và GV trong việc lồng ghép các giá trị sống vào chương trình

giáo dục. Điều này không chỉ giúp nâng cao nhận thức về các giá trị sống quan trọng như tôn trọng, trung thực, và trách nhiệm, mà còn tạo ra môi trường thuận lợi để học sinh, sinh viên phát triển toàn diện. Việc áp dụng giáo dục giá trị sống một cách thường xuyên có thể góp phần giảm thiểu các hành vi tiêu cực, nâng cao kỹ năng sống, và xây dựng mối quan hệ xã hội lành mạnh giữa các cá nhân. Đồng thời, nó cũng giúp phát triển khả năng tư duy phản biện và quyết định đúng đắn trong các tình huống cuộc sống.

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV và HS về việc thực hiện hình thức của hoạt động giáo dục giá trị sống cho HS THCS

STT	Các hình thức giáo dục giá trị sống	Đối tượng	ĐTB	ĐLC
1	Giáo dục giá trị sống thông qua các tiết chào cờ hàng tuần	CBQL, GV	3.96	0.88
		HS	3.27	0.71
2	Giáo dục giá trị sống thông qua lồng ghép, tích hợp trong một số môn học chính khoá	CBQL, GV	4.09	0.85
		HS	3.23	0.75
3	Giáo dục giá trị sống thông qua các hoạt động ngoại khoá	CBQL, GV	3.79	0.78
		HS	3.49	0.64
4	Giáo dục giá trị sống thông qua hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong	CBQL, GV	4.15	0.76
		HS	4.27	1.04
5	Giáo dục giá trị sống thông qua các hoạt động văn hoá văn nghệ thể dục thể thao	CBQL, GV	4.19	0.84
		HS	3.91	0.99
6	Giáo dục giá trị sống thông qua tấm gương người tốt việc tốt	CBQL, GV	4.20	0.78
		HS	4.03	0.62
7	Giáo dục giá trị sống thông qua hoạt động tình nguyện, từ thiện	CBQL, GV	3.71	0.80
		HS	4.29	0.97

Các hình thức như "Giáo dục giá trị sống thông qua tấm gương người tốt việc tốt" và "Giáo dục giá trị sống thông qua các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục thể thao" được đánh giá cao hơn so với các hình thức khác vì tính thực tiễn và hiệu quả của chúng. Việc học hỏi từ những tấm gương sáng giúp học sinh hình thành những giá trị đạo đức sâu sắc, từ đó thúc đẩy hành động tích cực trong cuộc sống. Bên cạnh đó, các hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao không chỉ giúp học sinh phát triển thể chất mà còn rèn luyện các kỹ năng xã hội, tinh thần đồng đội, và khả năng kiên trì, vượt qua thử thách, góp phần xây dựng các giá trị sống bền vững. Đáng chú ý, sự chênh lệch trong điểm trung bình giữa CBQL, GV và HS phản ánh sự khác biệt trong cách nhìn nhận: CBQL và GV đánh giá cao hơn, có thể do họ nhìn nhận từ góc độ người tổ chức, trong khi HS tập trung vào trải nghiệm thực tế.

3.5. Thực trạng về các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV và HS về các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục giá trị sống cho HS THCS

STT	Các hình thức giáo dục giá trị sống	Đối tượng	ĐTB	ĐLC
1	CBQL các trường THCS	CBQL, GV	4.15	0.79
		HS	4.24	0.95
2	Giáo viên chủ nhiệm các trường THCS	CBQL, GV	4.10	0.81
		HS	3.93	0.96
3	Giáo viên bộ môn các trường THCS	CBQL, GV	3.77	0.79
		HS	4.03	1.14
4	Cách chuyên gia tâm lý giáo dục	CBQL, GV	3.95	0.85
		HS	3.93	1.16
5	Cha mẹ học sinh	CBQL, GV	4.08	0.83
		HS	4.10	0.99

Theo bảng 5, đánh giá từ các CBQL, GV về các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục giá trị sống cho thấy mức độ tham gia khá thường xuyên, với giá trị điểm trung bình (ĐTB) dao động từ 3.77 đến 4.15. Còn theo HS (HS), mức độ tham gia được đánh giá từ thường xuyên đến rất thường xuyên, với ĐTB dao động từ 3.93 đến 4.24. Các lực lượng thường xuyên tham gia giáo dục giá trị sống cho HS đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách của HS. Sự tham gia tích cực của các lực lượng này giúp HS nhận thức và áp dụng các giá trị sống vào thực tế, góp phần xây dựng một cộng đồng học đường lành mạnh và văn minh. Bên cạnh đó, việc giáo dục giá trị sống thường xuyên giúp HS rèn luyện khả năng tự quản lý cảm xúc, giải quyết xung đột và đưa ra quyết định đúng đắn trong các tình huống cuộc sống. Điều

này không chỉ có lợi cho sự phát triển cá nhân của HS mà còn tạo ra một môi trường học tập tích cực, hỗ trợ việc học tập và phát triển toàn diện. Thông qua việc tham gia giáo dục giá trị sống, các lực lượng giáo dục còn giúp HS hình thành những thói quen và chuẩn mực đạo đức vững vàng, là nền tảng quan trọng để các em trở thành những công dân có ích cho xã hội trong tương lai.

Mức độ tham gia các hoạt động giáo dục giá trị sống có sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm đối tượng. Cụ thể, CBQL các trường THCS được đánh giá có mức độ tham gia cao nhất với ĐTB 4.15 theo đánh giá của CBQL và GV, và 4.24 theo đánh giá của HS. Ngược lại, giáo viên bộ môn có mức độ tham gia thấp nhất với ĐTB 3.77, trong khi giáo viên chủ nhiệm được đánh giá có mức độ tham gia thấp nhất từ phía học sinh với ĐTB 3.93. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của CBQL trong các hoạt động giáo dục giá trị sống, trong khi sự tham gia của giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm vẫn còn hạn chế.

3.6. Thực trạng về các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở

Bảng 6. Đánh giá của CBQL, GV và HS về các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục giá trị sống cho HS THCS

STT	Các hình thức giáo dục giá trị sống	Đối tượng	ĐTB	ĐLC
1	Sự quan tâm của ban giám hiệu, giáo viên và cha mẹ học sinh	CBQL, GV	3.99	0.85
		HS	4.19	1.03
2	Đội ngũ giáo viên am hiểu về giá trị sống và có kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống	CBQL, GV	4.11	0.71
		HS	4.22	0.85
3	Có đầy đủ cơ sở vật chất, nguồn tài chính và trang thiết bị, đồ dùng hỗ trợ	CBQL, GV	4.06	0.80
		HS	3.78	1.07
4	Có nội dung chương trình và kế hoạch cụ thể	CBQL, GV	3.51	1.04
		HS	4.28	0.81
5	Có sự tham gia nhiệt tình của học sinh	CBQL, GV	3.66	1.04
		HS	3.93	1.02
6	Có sự tham gia của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường	CBQL, GV	3.73	1.04
		HS	3.90	0.94

*Chú thích: 1 = Hoàn toàn không đáp ứng, 2 = Không đáp ứng, 3 = Tương đối đáp ứng, 4 = Đáp ứng; 5 = rất đáp ứng, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$.

Theo bảng 6, điểm trung bình đánh giá của CBQL và GV dao động từ 3.51 đến 4.11, trong đó yếu tố được đánh giá cao nhất là đội ngũ giáo viên am hiểu và có kỹ năng tổ chức hoạt động, còn yếu tố thấp nhất là nội dung chương trình và kế hoạch cụ thể. Đối với học sinh, điểm trung bình dao động từ 3.78 đến 4.28, với nội dung chương trình và kế hoạch cụ thể được đánh giá cao nhất, trong khi cơ sở vật chất, nguồn tài chính và thiết bị hỗ trợ nhận mức đánh giá thấp nhất. Điều này cho thấy sự khác biệt về mức độ ưu tiên giữa các nhóm đối tượng.

Kết quả trên cho thấy các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục giá trị sống cho HS THCS ở các trường đạt mức từ đáp ứng đến rất đáp ứng. Điều này có nghĩa là hầu hết các yếu tố cần thiết như sự quan tâm của ban giám hiệu, đội ngũ giáo viên có chuyên môn, nội dung chương trình cụ thể, và sự tham gia của các lực lượng liên quan đã được triển khai tương đối hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn cần cải thiện ở một số khía cạnh, như cơ sở vật chất và kế hoạch cụ thể, để nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục giá trị sống, đáp ứng kỳ vọng từ cả nhà quản lý, GV, và HS.

Kết quả cũng cho thấy sự khác biệt về mức độ ưu tiên giữa các nhóm đối tượng khi đánh giá mức độ đáp ứng của các điều kiện hỗ trợ. Điều này cho thấy mỗi nhóm đối tượng (CBQL, GV và HS) có cách nhìn nhận và ưu tiên khác nhau đối với các điều kiện hỗ trợ giáo dục giá trị sống. CBQL và GV tập trung nhiều vào năng lực của đội ngũ giáo viên, trong khi học sinh lại ưu tiên nội dung chương trình và kế hoạch cụ thể. Sự khác biệt này phản ánh vai trò, nhu cầu và kỳ vọng khác nhau của từng nhóm trong quá trình tổ chức và tham gia các hoạt động giáo dục. Điều này đòi hỏi các trường cần lắng nghe và cân bằng các góc nhìn, từ đó tối ưu hóa các điều kiện hỗ trợ để đáp ứng tốt nhất cho cả người dạy và người học.

4. KẾT LUẬN

Bài báo đã đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục giá trị sống cho HS ở các trường THCS tại thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng các CBQL, GV, và HS đều nhận thức rõ vai trò quan trọng của giáo dục giá trị sống, đánh giá cao sự phù hợp của các nội dung giáo dục này, và thường xuyên sử dụng các phương pháp giáo dục tích cực. Các lực lượng tham gia vào quá trình giáo dục giá trị

sống cũng đóng vai trò quan trọng, với sự tham gia thường xuyên và có sự hỗ trợ đầy đủ về điều kiện cơ sở vật chất. Tuy nhiên, mặc dù có những điểm mạnh rõ rệt, thực tế vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục, đặc biệt là trong việc tối ưu hóa các phương pháp giảng dạy và tăng cường sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức liên quan. Những hạn chế này cần được nhận diện và giải quyết để nâng cao chất lượng giáo dục giá trị sống cho học sinh.

Bài báo có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp cái nhìn toàn diện về thực trạng giáo dục giá trị sống tại các trường THCS thành phố Tuy Hòa, Phú Yên. Những kết quả nghiên cứu này không chỉ giúp các cơ sở giáo dục nhận thức được các yếu tố đã và đang phát huy hiệu quả mà còn chỉ ra các điểm cần cải thiện trong việc triển khai hoạt động giáo dục giá trị sống. Đây là cơ sở quan trọng để các nhà quản lý, giáo viên và các tổ chức giáo dục đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Để cải thiện thực trạng, các trường THCS cần: tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên về các phương pháp giảng dạy giá trị sống, giúp họ nắm vững các phương thức, kỹ năng và công cụ cần thiết để triển khai hiệu quả trong lớp học; Đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị, tài liệu, và không gian học tập phù hợp để hỗ trợ các hoạt động giáo dục giá trị sống, từ đó tạo ra môi trường học tập tích cực cho học sinh; Có sự kết nối chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng để tạo ra một mạng lưới giáo dục giá trị sống toàn diện cho học sinh, giúp học sinh nhận thức và thực hành các giá trị sống trong đời sống hàng ngày; Các hoạt động ngoại khóa như tình nguyện, tham quan, hoặc các dự án cộng đồng cần được triển khai để giúp học sinh thực hành các giá trị sống một cách trực quan và sinh động; Việc thực hiện các đánh giá định kỳ và liên tục về kết quả giáo dục giá trị sống sẽ giúp các nhà trường kịp thời điều chỉnh và cải tiến phương pháp giảng dạy, từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục giá trị sống cho học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
- Lê, N. T. (2019). Giáo dục giá trị trong sự hình thành nhân cách của học sinh. Trong *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Giáo dục giá trị trong nhà trường*.
- Nguyễn, C. K. (2012). *Phương pháp giáo dục giá trị sống – kỹ năng sống*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguyễn, T. B., Lưu, T. T., Đào, T. O., Nguyễn, T. K. D., Lê, T. T. H., Nguyễn, H. Đ. H., & Vũ, T. H. (2018). *Phát triển năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông theo tiếp cận giá trị và kỹ năng sống*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Phạm, M. H. (2012). *Giá trị học*. NXB Dân Trí.
- Phan, M. T. (2019). Giáo dục giá trị trong nhà trường – Những vấn đề cơ bản. Trong *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Giáo dục giá trị trong nhà trường*.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14*.
- Tillman, D. (2010). *Giá trị sống dành cho tuổi trẻ* (Đ. N. Khanh, T. Tùng, & M. Tươi, Trans.). NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

Current status of life values education activities for students in secondary schools in Tuy Hoa city, Phu Yen province

Le Thi Phuc Hau

Department of Education and Training, Tuy Hoa City, Phu Yen Province

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 08 November 2024

Received in revised form: 23 December 2024

Accepted: 24 December 2024

Published: 20 December 2025

Keywords:

Education;

Life values;

Students;

Secondary school.

Corresponding author:

Le Thi Phuc Hau

E-mail address:

lethiphuchau@gmail.com

ABSTRACT

The article explores the current state of life values education for students in lower secondary schools in Tuy Hoa City, Phu Yen Province. The research sample includes 125 teachers and 32 school administrators from six lower secondary schools in Tuy Hoa City. A survey using questionnaires was the primary method employed to assess the state of life values education for students in the area. The findings reveal that administrators, teachers, and students: (1) Expressed agreement or strong agreement with the roles of life values education for students; (2) Highly evaluated the appropriateness of life values education content, with ratings ranging from "relatively appropriate" to "appropriate."; (3) Frequently to very frequently utilized methods and forms of life values education for students.; (4) Reported that the forces involved in life values education were active frequently to very frequently.; (5) Found the conditions supporting life values education activities to range from sufficient to highly sufficient. However, certain limitations were also identified. These findings serve as a foundation for lower secondary schools in Tuy Hoa City, Phu Yen Province, to propose solutions aimed at improving the effectiveness of life values education, meeting the demands of current educational reforms.
